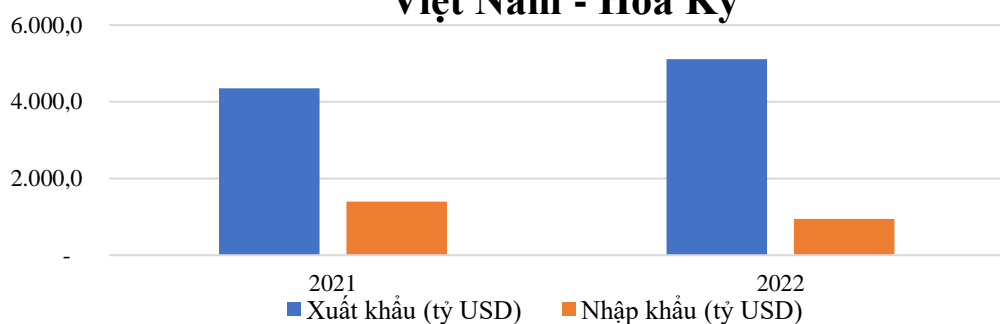


# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường HOA KỲ



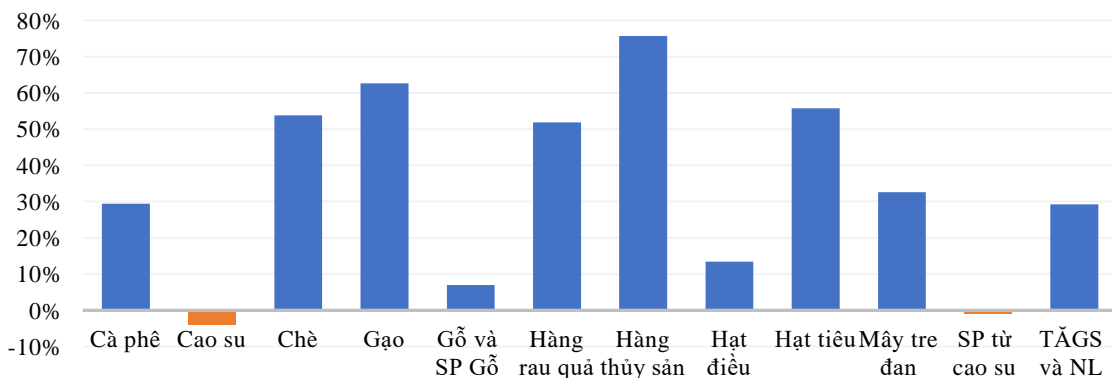
### Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



So sánh Kim ngạch XNK NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ (4T – 2022/2021)

- Xuất khẩu ▲ 17,4%
- Nhập khẩu ▼ 32%

### Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 4T-2022 so với 4T-2021



So sánh 4T-2021/2020

- Cà phê ▲ 29,4%
- Cao su ▼ 4,0%
- Chè ▲ 53,8%
- Gạo ▲ 62,6%
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 7,0%
- Rau quả ▲ 51,8%
- Thủy sản ▲ 75,7%
- Hạt điều ▲ 13,5%
- Hạt tiêu ▲ 55,8%
- Mây tre đan ▲ 32,6%
- SP từ cao su ▼ 1,0%
- TĂGS và NL ▲ 29,3%

### Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ T4/2022 so với T3/2022



So sánh giá xuất khẩu bình quân T2-2021/2020

- Cà phê ▲ 6,6%
- Cao su ▼ 2,8%
- Chè ▼ 6,4%
- Gạo ▼ 9,9%
- Hạt điều ▼ 0,3%
- Hạt tiêu ▼ 0,1%

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tháng 4/2022, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản ước trên 4,8 tỷ USD, tăng 11,2% so với tháng 4/2022. Tính chung 4 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản ước gần 17,9 tỷ USD, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Về thị trường xuất khẩu, Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất đạt gần 4,9 tỷ USD (chiếm 27,3% thị phần), đứng thứ 2 chỉ sau Trung Quốc. Trong đó, xuất khẩu nhóm hàng gỗ và sản phẩm gỗ chiếm tới 68,2% tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam vào Hoa Kỳ.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 4/2022 là gỗ và các sản phẩm gỗ (chiếm 63,6%), thủy sản (18,7%), hạt điều (5,9%). So với tháng 4/2021, tất cả các mặt hàng NLTS của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ đều có kim ngạch tăng như: thủy sản tăng 85,1%, gạo tăng 63,1%, gạo tăng 59,4%, cao su tăng 36,8%, hạt tiêu tăng 30,1%. *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Kể từ năm 2020, Hoa Kỳ đã trở thành bạn hàng lớn nhất trong thương mại nông lâm thủy sản với Việt Nam. Điều đáng mừng là trong bối cảnh đại dịch Covid-19, suy thoái kinh tế, đứt gãy chuỗi cung ứng nhưng cả xuất khẩu và nhập khẩu nông lâm thủy sản giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đều tăng ở mức 2 con số trong thời gian gần đây. Năm 2021, Việt Nam đã xuất khẩu trên 200 triệu USD sản phẩm rau quả sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 32% so với năm 2020. Đây là một thành tích đáng khích lệ. Tuy nhiên, con số này còn rất nhỏ so với 4 tỷ USD xuất khẩu rau quả của Việt Nam và dư địa của thị trường Hoa Kỳ.

Ở chiều ngược lại, Việt Nam cũng tăng mạnh nhập khẩu những sản phẩm Hoa Kỳ có thế mạnh trong thời gian gần đây, đặc biệt là nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Hiện nay Hoa Kỳ là nước xuất khẩu thịt gia cầm lớn nhất vào Việt Nam; xuất khẩu bò lớn thứ 2 và xuất khẩu thịt lợn đứng thứ 6. Bên cạnh đó, Việt Nam đã cho phép Hoa Kỳ xuất khẩu 171 loại hạt giống cây trồng, 2 loại củ, quả tươi.

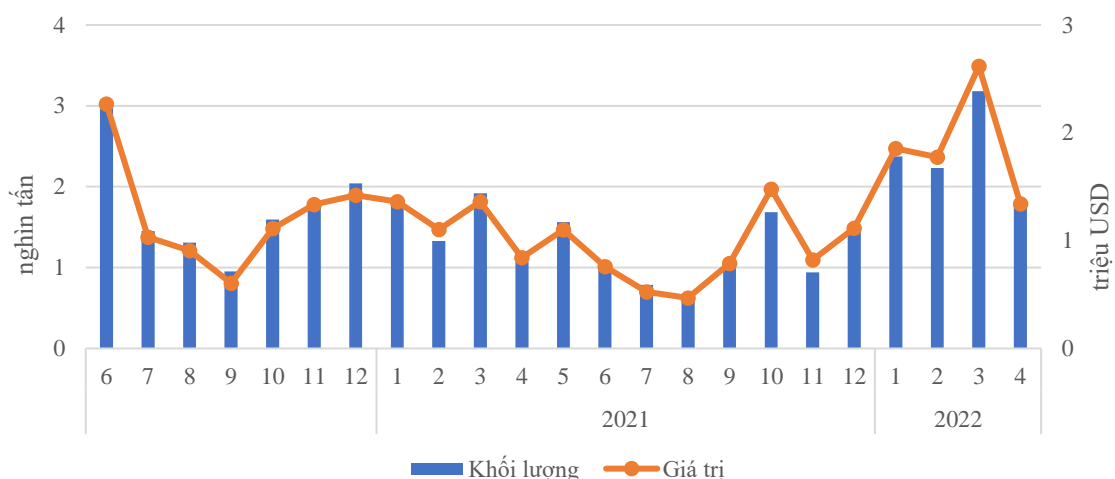
Trong chuỗi hoạt động của Bộ trưởng Lê Minh Hoan trong chuyến tháp tùng Thủ tướng Phạm Minh Chính thăm Hoa Kỳ từ 11-17/5, một loạt các biên bản ghi nhớ và các chương trình hợp tác giữa hai bên đã được ký kết về tăng cường hợp tác sản xuất lương thực bền vững; thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm nông sản địa phương; xúc tiến thương mại và đầu tư trong lĩnh vực nông sản. Các doanh nghiệp Mỹ đặc biệt quan tâm đến xuất khẩu và đầu tư vào thế hệ mới cho sản xuất nông nghiệp, mô hình canh tác bền vững, phát thải thấp và xem Việt Nam là cửa ngõ trung tâm để tiếp cận thị trường ASEAN với 650 triệu dân.

## CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

### 1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2022, Việt Nam xuất khẩu được 1,8 nghìn tấn gạo, trị giá 1,3 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, giảm 43,1% về khối lượng và 48,7% về giá trị so với tháng trước; nhưng tăng 69,5% về khối lượng và 59,4% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 4 tháng đầu năm 2022 đạt 9,6 nghìn tấn, trị giá 7,6 triệu USD, tăng 57,0% về khối lượng và 62,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

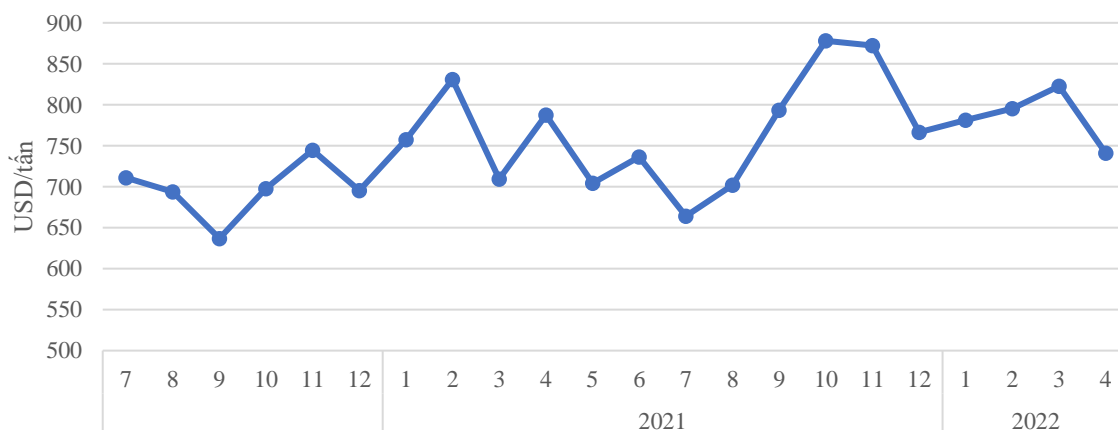
**Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4/2022 đạt 740,9 USD/tấn, giảm 9,9% so với tháng trước và 5,9% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ**

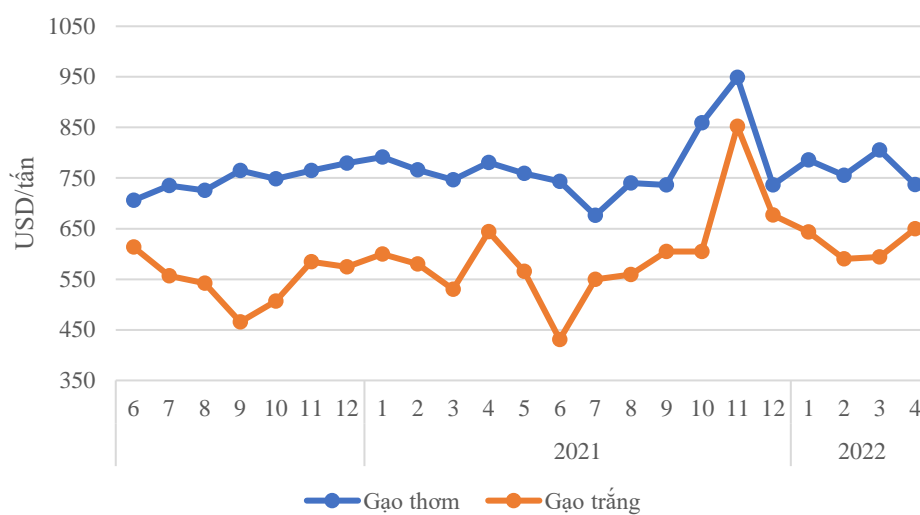


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,6 nghìn tấn, trị giá 1,2 triệu USD (chiếm 89,4% về khối lượng và 88,5% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 80,6% về khối lượng và 60,7% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 4/2022 đạt trung bình 736,8 USD/tấn, giảm 8,5% so với tháng trước và 5,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 650,0 USD/tấn, tăng 9,4% so với tháng trước và 0,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

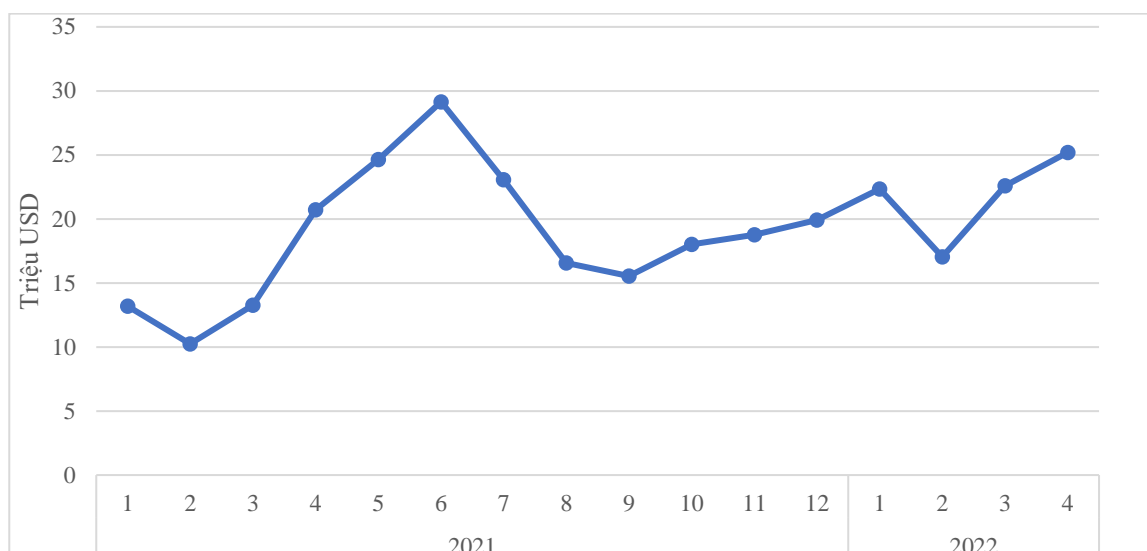
*Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ*

## 2. RAU QUẢ

Cơ quan Kiểm tra Sức khỏe Động thực vật (APHIS) của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ và Tổ chức bảo vệ thực vật quốc gia của Mexico (SENASICA) thông báo rằng Hoa Kỳ đã bắt đầu xuất khẩu khoai tây sang Mexico vào ngày 11/5/2022. Mexico và Hoa Kỳ đã đồng ý chấm dứt các hạn chế do chính phủ Mexico áp đặt đối với nhập khẩu khoai tây của Hoa Kỳ sau tranh chấp thương mại kéo dài 25 năm.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4 năm 2022 đạt 25,2 triệu USD, chiếm 7,7% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 11,4% so với tháng trước và tăng 21,6% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả 4 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 87,0 triệu USD, chiếm 7,4% thị phần, tăng 51,7% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ**

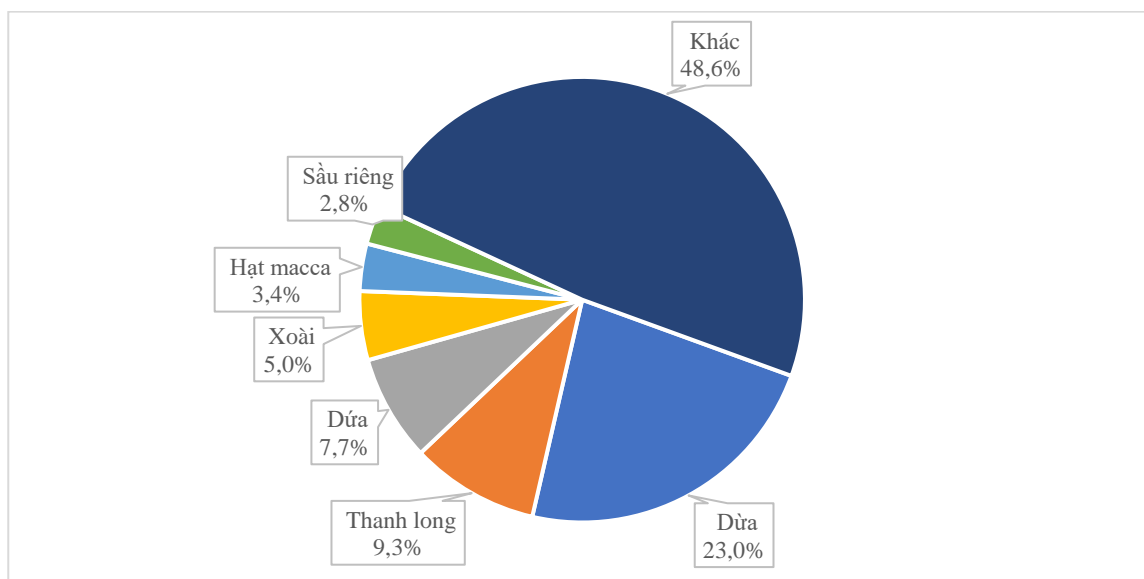


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 4 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 10,8 triệu USD (chiếm 42,9% thị phần, giảm 14,8% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 14,4 triệu USD (chiếm 57,1% thị phần), tăng 79,2%, trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 8,9 triệu USD, tăng 252,2% so với cùng kỳ năm trước; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 2,9 triệu USD (giảm 5,3%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 1,4 triệu USD (tăng 27,2%); v.v.

Trong tháng 4 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: dứa đạt 4,4 triệu USD (chiếm 17,6% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 160,6% so với cùng kỳ năm 2021; thanh long đạt gần 2,9 triệu USD (chiếm 11,7%), tăng 47,9%; dứa đạt 1,8 triệu USD (chiếm 7,2%), tăng 45,1%; chanh đạt 1,6 triệu USD (chiếm 6,5%), tăng 174,0%; xoài đạt 1,3 triệu USD (chiếm 5,0%), giảm 19,9%; v.v.

**Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4 năm 2022**



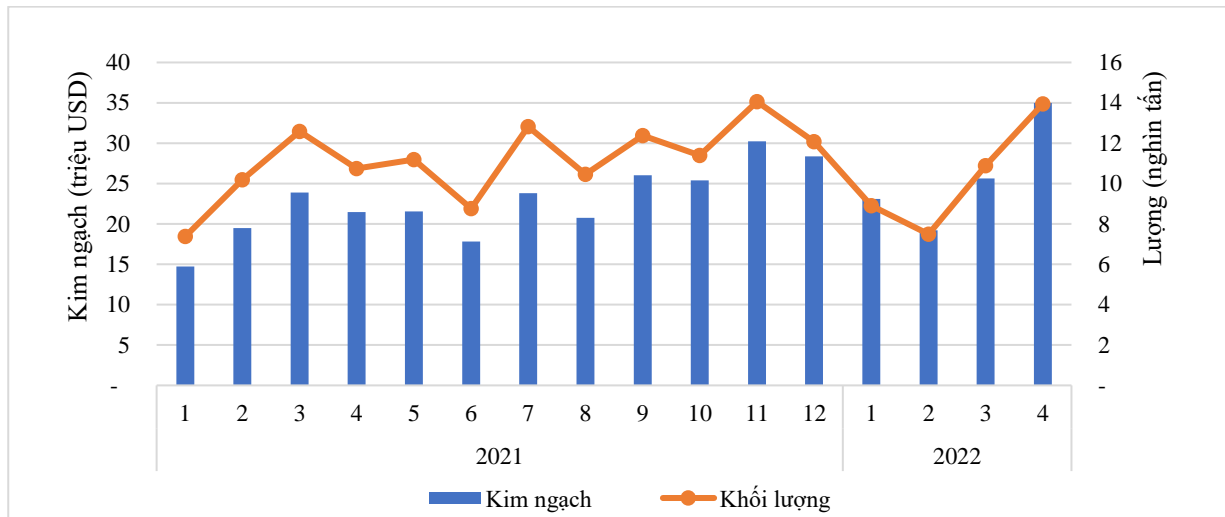
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 4 năm 2022 đạt 20,8 triệu USD, chiếm 14,0% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 14,6% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 97,4 triệu USD, chiếm 20,5% thị phần, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 4/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: táo đạt 6,5 triệu USD, chiếm 31,1% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 93,1% so với cùng kỳ năm 2021; hạnh nhân đạt 5,3 triệu USD (chiếm 25,3%), giảm 15,8%; hạt dẻ đạt 4,0 triệu USD (chiếm 19,3%), giảm 56,2%; khoai tây đạt 1,97 triệu USD (chiếm 9,5%), tăng 68,6%; nho đạt 1,0 triệu USD (chiếm 4,9%), tăng 457,0%; v.v.

### 3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 04/2022 ước đạt 14,0 nghìn tấn với trị giá 35,0 triệu USD, tăng 28,2% về khối lượng và 36,6% về giá trị so với tháng trước, và tăng 29,9% về khối lượng và 63,1% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

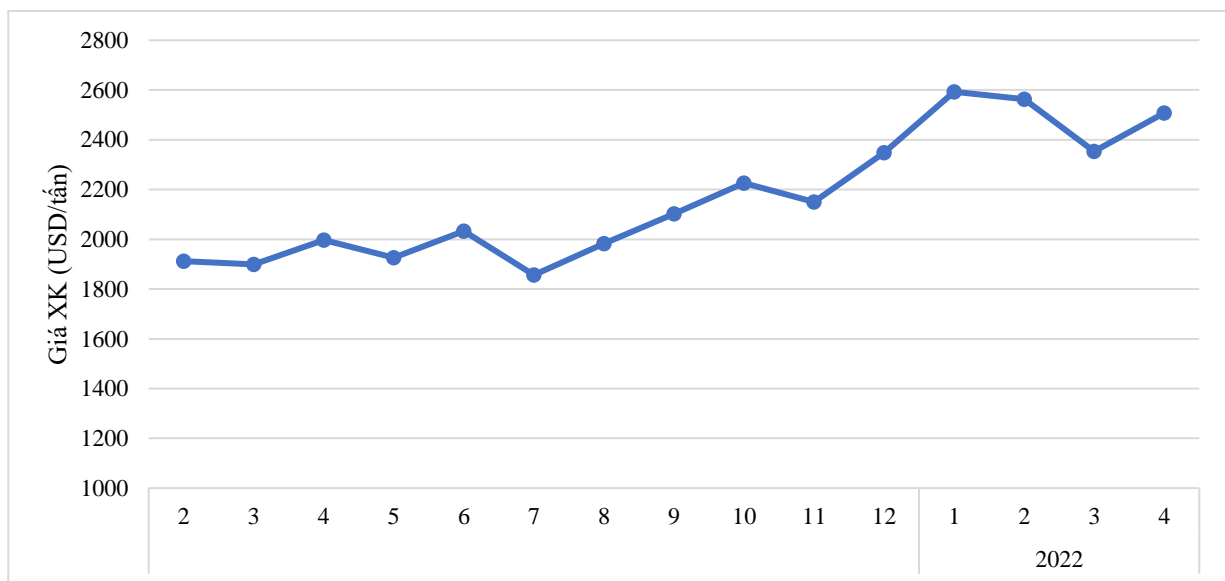
#### **Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 04/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 2.508 USD/tấn, tăng 6,6% so với tháng trước và tăng 25,5% so với cùng kỳ năm 2021.

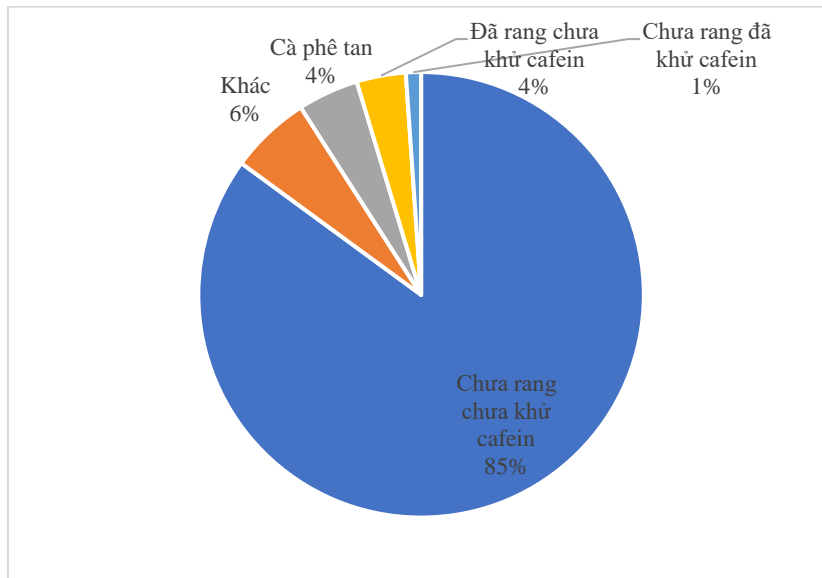
**Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2022, cà phê chưa rang chưa khử caffein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 29,8 triệu USD, chiếm 85,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 1,5 triệu USD, chiếm 4,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử caffein và cà phê chưa rang đã khử caffein, chiếm lần lượt 3,6% và 1,1% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

**Hình 8. Chứng loại cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 04/2022**

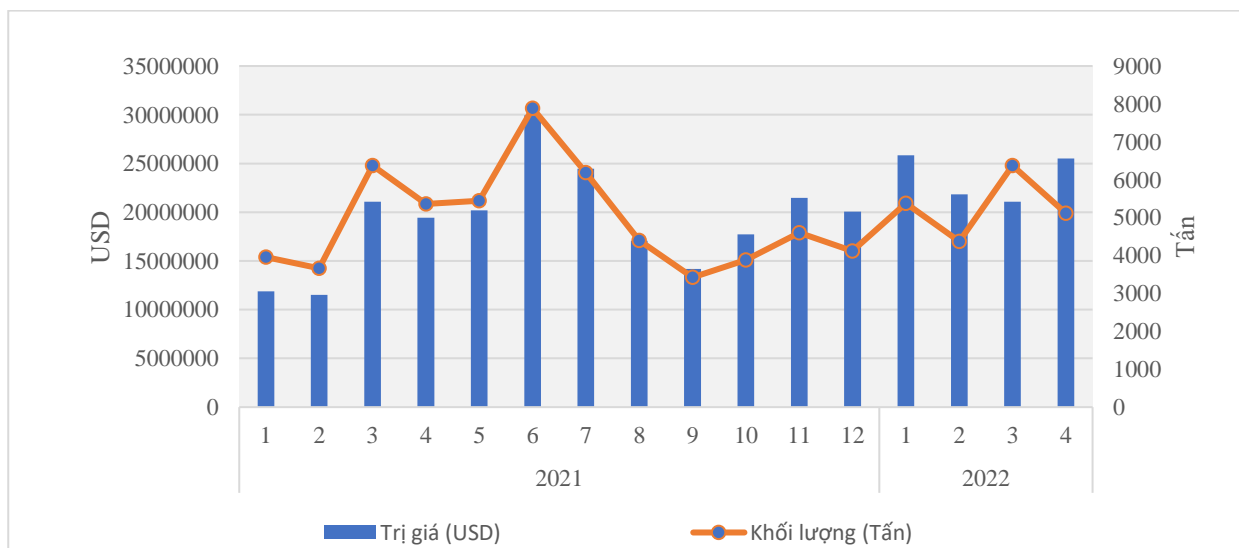


Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 4/2022 đạt 5.116 tấn, tương ứng với 25,5 triệu USD, giảm 19,7% về khối lượng nhưng tăng 21% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này giảm 4,53% về khối lượng nhưng tăng 31,34% về giá trị.

**Hình : Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ**

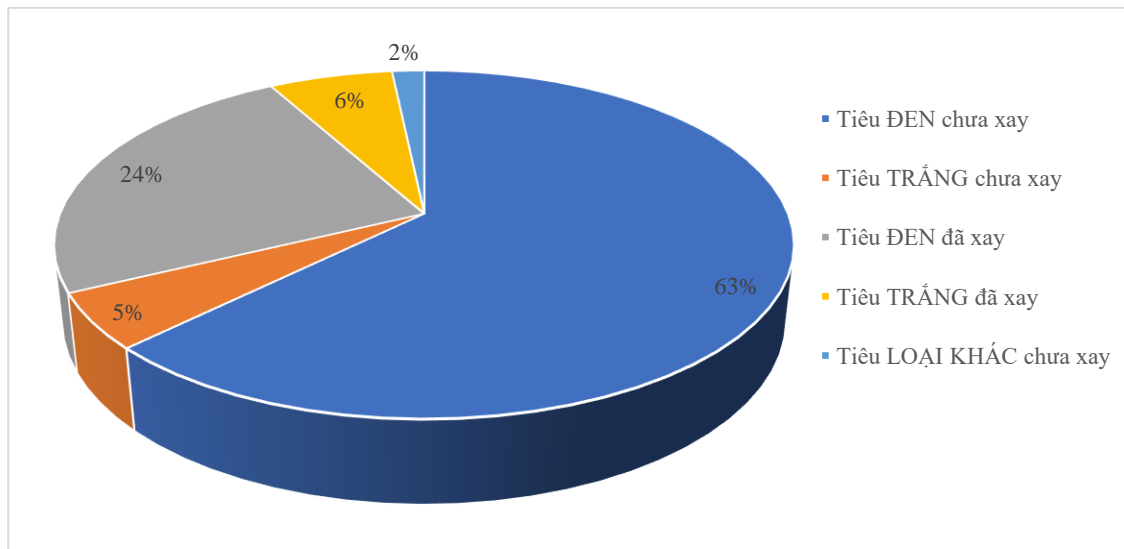


Nguồn: Tổng cục Hải quan



Trong tháng 4/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 63% tổng giá trị tiêu các loại xuất khẩu xuất sang Hoa Kỳ, tăng 24% so với tháng trước nhưng giảm 0,43% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 24%, tăng 28% so với năm trước nhưng giảm 15,6% so với tháng trước.

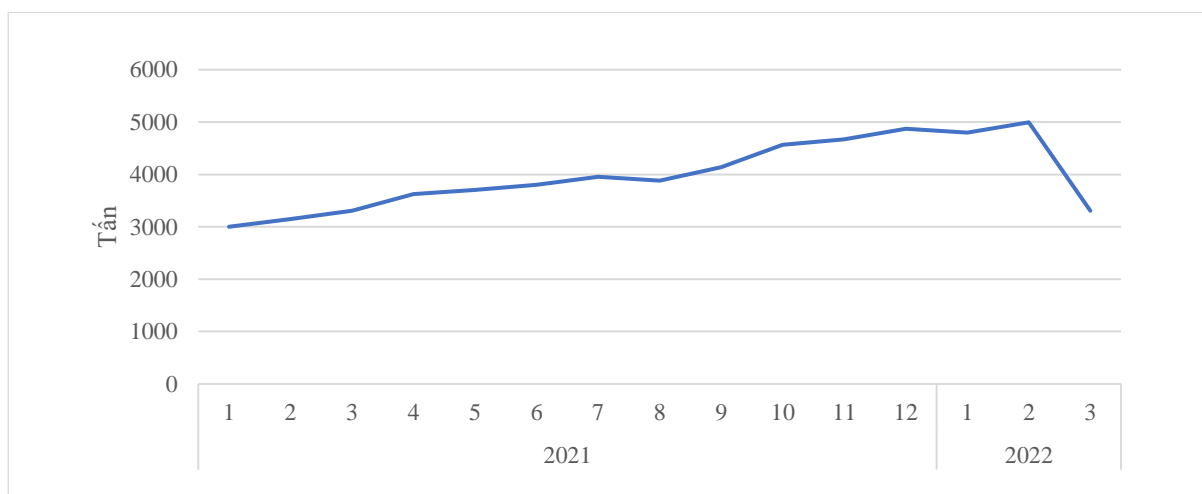
**Hình: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 3/2022 đạt 4.987 USD/tấn, tăng 50,9% so với tháng trước và 37,6% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình : Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ**

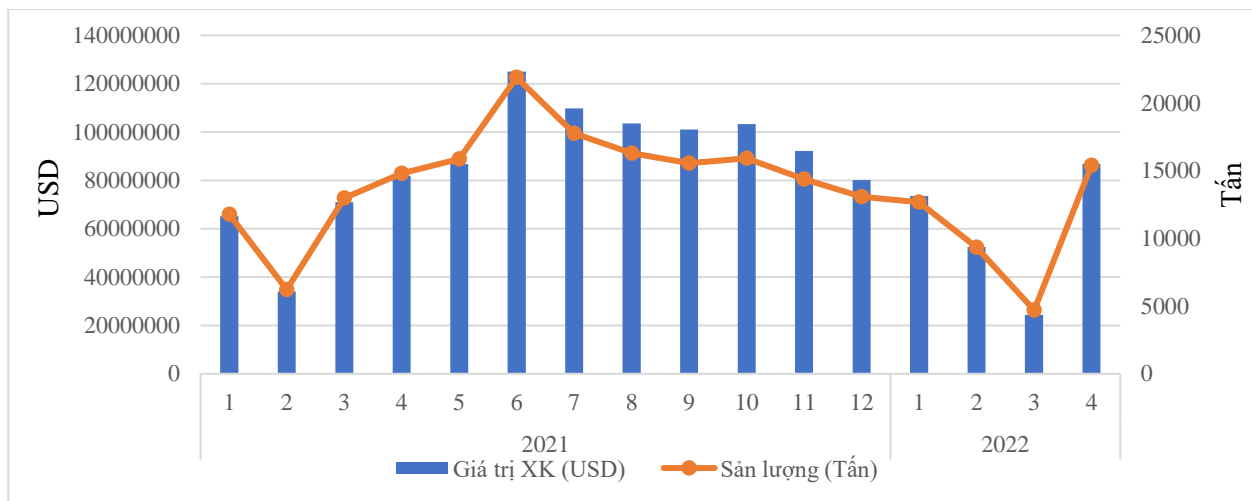


*Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam*

**5. HẠT ĐIỀU**

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2022, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 15,39 nghìn tấn, trị giá 86,85 triệu USD, tăng 227,6% về khối lượng và 256,3% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu điều sang thị trường này cũng tăng 4% về khối lượng và 6,1% về giá trị.

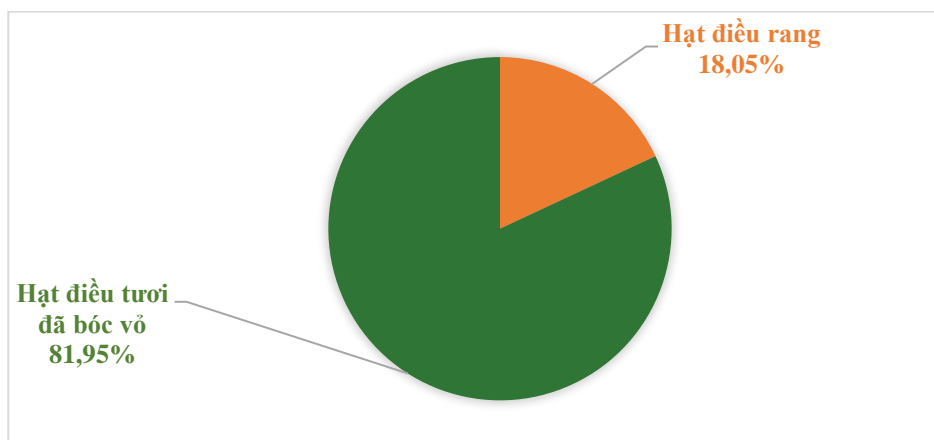
**Hình 9. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này vẫn chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 82%, đạt 71,2 triệu USD, tăng 19,3% so với tháng trước nhưng giảm 2,9% so với cùng kỳ năm trước; hạt điều rang đạt 15,7 triệu USD chiếm 18,1%, tăng 84,4% so với cùng kỳ năm trước và 17,1% so với tháng trước.

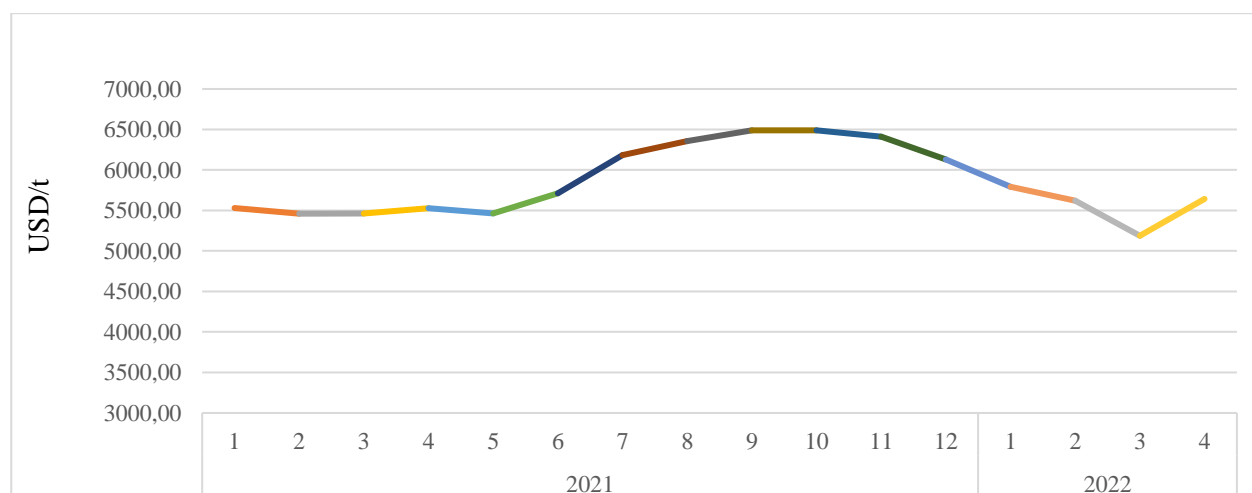
**Hình 10. Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ đã có sự phục hồi mạnh mẽ. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 4/2022 đạt 5.643 nghìn USD/tấn, tăng 8,8% so với tháng trước và 2,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 5,5 USD/kg, giảm 1,6% so với tháng trước nhưng tăng 1% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 11: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

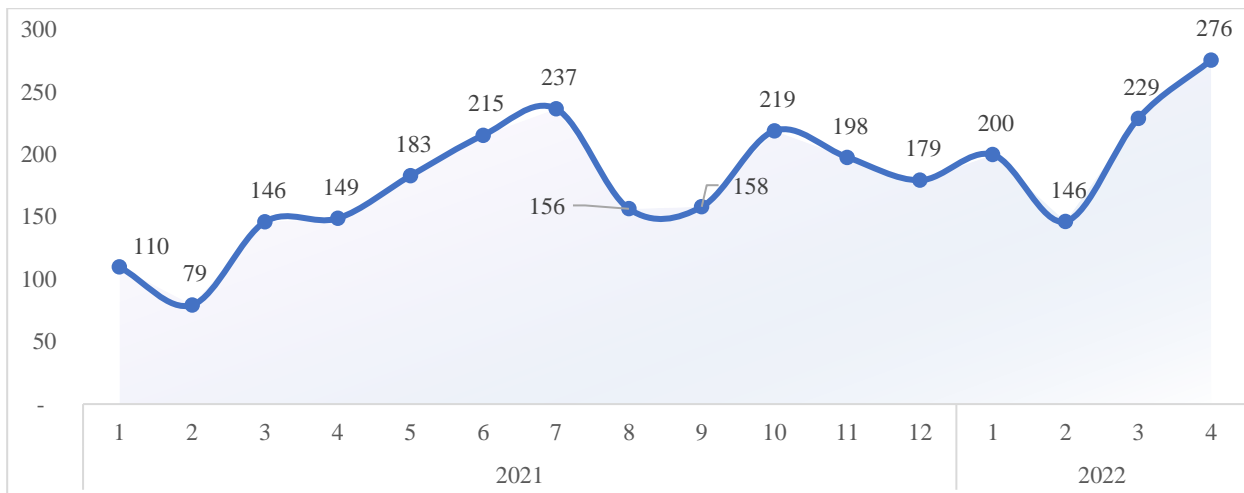
## 6. THỦY SẢN

Doanh thu tiêu thụ thủy sản tươi sống của Hoa Kỳ tháng 4/2022 đạt 493 triệu USD, giảm 11,8% so với tháng 4/2021 do người tiêu dùng lo ngại về lạm phát. Trong khi đó, doanh thu thủy sản đông lạnh tăng 2,8% và thủy sản đóng hộp tăng 9,6%. Mặc dù doanh thu cao hơn mức trước Covid-19, nhưng khối lượng hàng tiêu thụ đang thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019, đặc biệt là với các mặt hàng thủy sản có vỏ giảm 11,6% so với tháng 4/2019. Trong khi đó, mặc dù giá thủy sản đông lạnh cũng tăng, nhưng tiêu thụ nhóm sản phẩm này vẫn tăng 2,8% so với tháng 4/2021. Trong đó, doanh thu cá đông lạnh tăng 7,9% và tôm đông lạnh chưa qua chế biến tăng 3,2%. Tuy nhiên, doanh thu tiêu thụ các mặt hàng thủy sản đông lạnh đã qua chế biến giảm 6,2%. Doanh thu thủy sản đóng hộp tăng 9,6%, lên mức 223 triệu USD và tăng 6,5% về khối lượng. Thủy sản đông lạnh và đóng hộp có lợi thế so với thủy sản tươi sống trong thời kỳ lạm phát tăng cao như hiện nay do thời gian sử dụng lâu dài hơn và nhiều người tiêu dùng nghĩ rằng thủy sản đông lạnh rẻ hơn thủy sản tươi sống.

Hoa Kỳ tiếp tục duy trì vị trí số 1 trong các nước xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Theo tổng cục hải quan, tháng 4/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 275,6 triệu USD, chiếm 24,4% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 4 tháng đầu năm 2022 đạt 850,6 triệu USD, tăng 85,2% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 12. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4/2022**

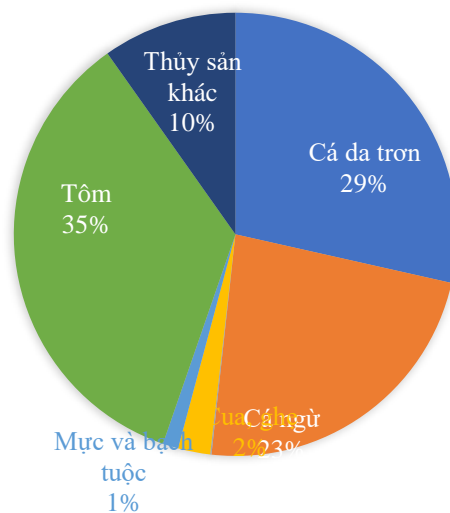
ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tăng trưởng tiếp tục giữ được đà tăng trưởng từ tháng trước, tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 4/2022, chiếm 34,9%, cá da trơn chiếm 28,5%

**Hình 13. Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4/2022**

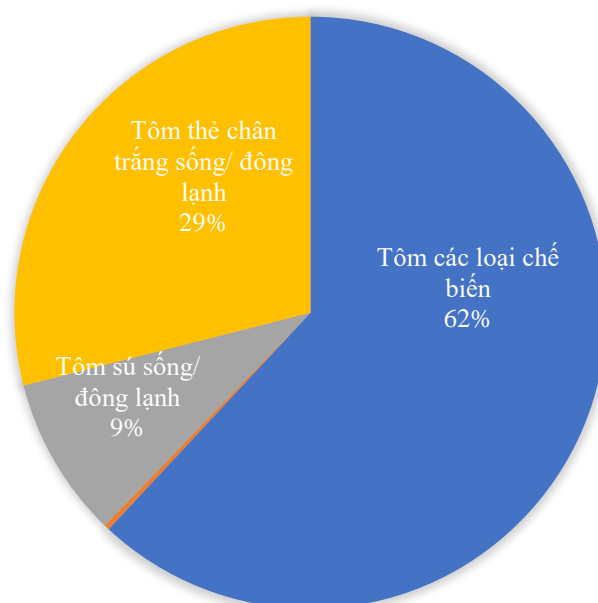


Nguồn: Tổng cục hải quan

Tháng 4/2022, xuất khẩu tôm chế biến các loại của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 59,6 triệu USD, chiếm 61,9% giá trị xuất khẩu sang thị trường này, tăng 39,6% so với tháng 4/2021; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 27,8 triệu USD, chiếm 29%, tăng

76,8%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 8,5 triệu USD, chiếm 8,8%, tăng 57,7%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,3 triệu USD, chiếm 0,3%, tăng 21,3%.

**Hình 14. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Tháng 4/2022, cá da trơn tiếp tục là sản phẩm có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong các sản phẩm thủy sản của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ. Giá trị xuất khẩu cá tra đạt 78,6 triệu USD, tăng 159% so với cùng kỳ năm trước và 19,4% so với tháng trước. Cá da trơn xuất khẩu sang thị trường này chủ yếu là cá tra phi lê chiếm tới 98,4%, đạt 77,3 triệu USD, tăng 162,5% so với cùng kỳ năm trước và 19,8% so với tháng trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 4/2022 như sau: Cá ngừ đạt 63,9 triệu USD, tăng 106,9% so với tháng 4/2021; cua, ghẹ đạt 6,5 triệu USD, tăng 38,4%; mực bạch tuộc đạt 3,1 triệu USD, tăng 50,2% và thủy sản khác đạt 27 triệu USD, tăng 55,8%.

Tháng 4/2021, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 12,2 USD/kg, tăng 19,6% so với cùng kỳ năm 2021; cá da trơn đạt 5,2 USD/kg tăng 1,8%. Cụ thể,

**Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2/2022**

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	5,2	1,8%	3,2%
2	Cá ngừ	13,3	44,1%	-0,3%

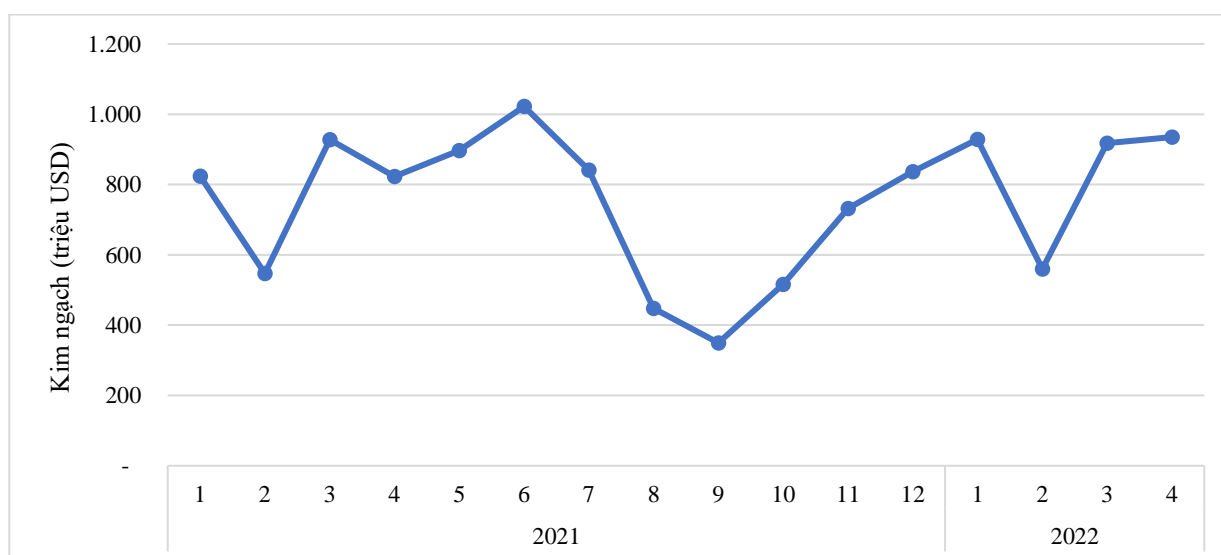
3	Cua, ghẹ			
4	Mực và bạch tuộc	21,3	20,8%	9,5%
5	Tôm	10,1	-18,3%	-11,1%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

## 7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 04/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 935,0 triệu USD, tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2021.

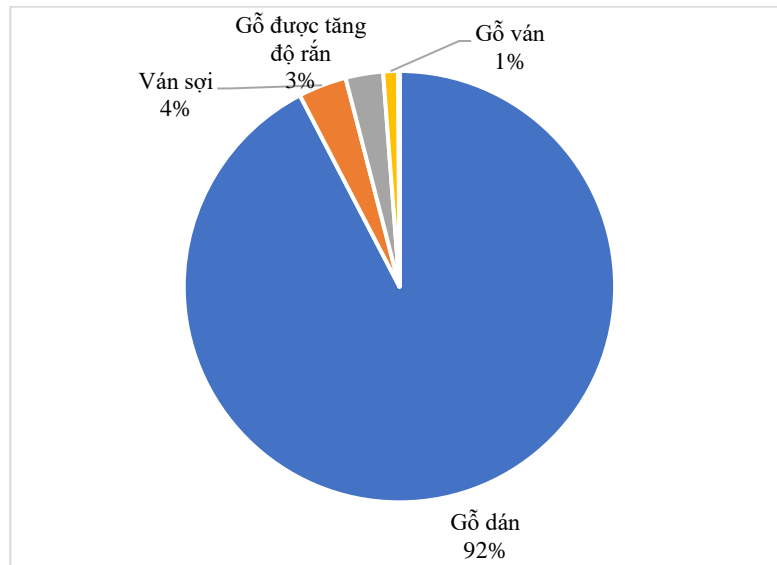
**Hình 15: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2022, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 50,1 triệu USD, chiếm 92,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 2,0 triệu USD, chiếm 3,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ được tăng độ rắn và gỗ ván, chiếm lần lượt 2,8% và 1,1% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

**Hình: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 04/2022**

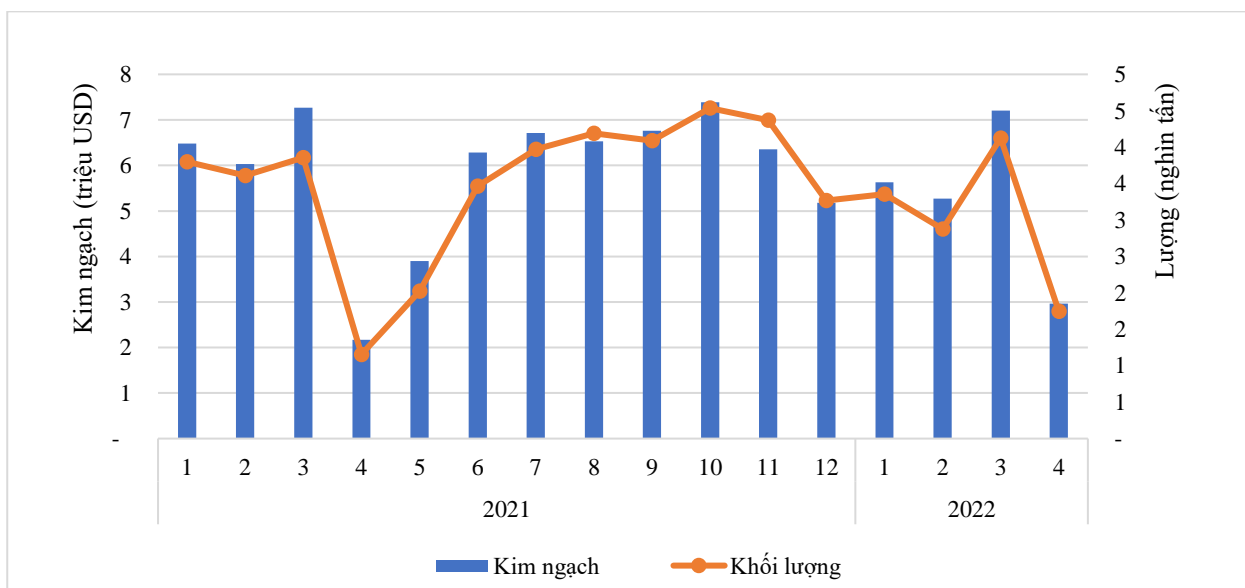


Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 8. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 04/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 1,7 nghìn tấn với trị giá 3,0 triệu USD, giảm 57,6% về khối lượng và 58,8% về giá trị so với tháng trước, và tăng 51,2% về khối lượng và 36,8% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

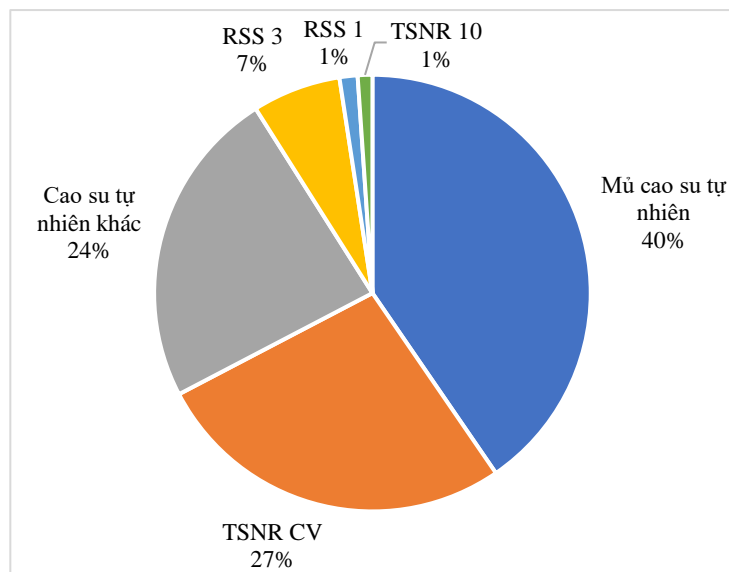
Hình 16: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2022, mũ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 1,2 triệu USD, chiếm 40,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 806,3 nghìn USD, chiếm 26,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 3 và RSS 1, chiếm lần lượt 6,6% và 1,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

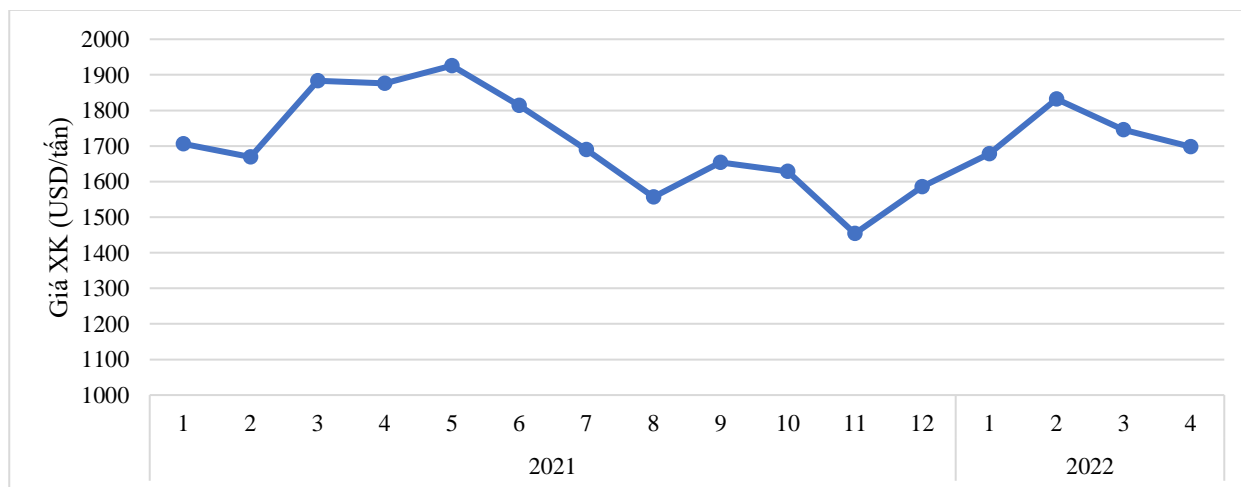
**Hình 17: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 04/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 04/2022 đạt mức 1.698 USD/tấn, giảm 2,8% so với tháng trước và giảm 9,5% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 18: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*



## NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

### 1. Hạt điều

Trong chuyến tháp tùng Thủ tướng Phạm Minh Chính thăm Mỹ từ 11-17/5, Bộ trưởng Lê Minh Hoan có cuộc làm việc với Tập đoàn Walmart để kết nối nông nghiệp Việt Nam với chuỗi đại siêu thị toàn cầu này. Đại diện Walmart cho biết, muốn mua tất cả các sản phẩm nông sản Việt Nam nếu đáp ứng đủ yêu cầu. Đơn cử như mặt hàng hạt điều, trong tháng 4/2022, Mỹ mua của Việt Nam 15.392 tấn hạt điều, trị giá 86,857 triệu USD; tính chung 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ 50.334 tấn hạt điều, trị giá 285,9 triệu USD. Mỹ đang là thị trường mua nhiều nhất hạt điều của Việt Nam.

### 2. Thủy sản

Thị trường Hoa Kỳ, các nhà nhập khẩu nước này tăng cường việc nhập khẩu cá tra khi mức tồn kho cá tra đã ở mức rất thấp sau hai năm dịch bệnh. Bên cạnh đó, diện tích nuôi trồng cá da trơn tại Hoa Kỳ giảm trong 3 năm liên tiếp, ảnh hưởng đến nguồn cung cấp cá da trơn của nước này. Đây cũng chính là hai yếu tố tạo đà cho ngành cá tra của Việt Nam tăng trưởng mạnh từ quý 4/2021 đến nay. Dự báo, trong quý 2/2022, xuất khẩu cá tra sang các thị trường này tiếp giữ mức tăng trưởng cao do nhu cầu tiêu thụ gia tăng và ổn định do giá cá tra cạnh tranh và có thể lấp khoảng trống ở một số phân khúc với sản phẩm cá thịt trắng (cá tuyết, cá minh thái) bị thiếu hụt nguồn cung từ Nga.

### 3. Rau quả

Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, nước này có nhu cầu tiêu thụ lớn về trái cây, với khối lượng mỗi năm lên tới 12 triệu tấn. Sản xuất trái cây tươi nội địa của nước này hiện chỉ đáp ứng được 70% nhu cầu, 30% còn lại (tương đương với khoảng 3,6 triệu tấn) là phải nhập khẩu. Đây sẽ là dư địa và cơ hội rất lớn cho trái cây Việt Nam.

### 4. Gỗ và sản phẩm gỗ

Theo các chuyên gia kinh tế và doanh nghiệp, trong năm 2022 Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam.

Dư địa đối với mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ vẫn còn rất lớn tại thị trường này. Với quy mô dân số hơn 333 triệu người cùng sức mua lớn, lại đang trong giai đoạn phục hồi mạnh sau đại dịch, Hoa Kỳ là thị trường tiềm năng đối với các sản phẩm đồ nội thất bằng gỗ.

Tuy nhiên, để ngành xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ phát triển bền vững, doanh nghiệp Việt Nam cũng gặp phải một số thách thức cần quan tâm như thiếu hụt nguồn cung gỗ nguyên liệu, giá gỗ nguyên liệu tăng cao... Bên cạnh đó, biến động về giá cước vận tải trong 2 năm trở lại đây tác động rất lớn đến mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới Hoa Kỳ. Hai năm trước, giá cước mỗi container 40 feet đi Hoa Kỳ khoảng 4.000 - 5.000 USD, hiện đã tăng 19.000 - 20.000 USD./.

## PHỤ LỤC

**Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 4/2022**

STT	Sản phẩm	Tháng 4/2022 (USD)	Tăng/giảm so T3/2022	Tăng /giảm so T3/2021	Tỷ trọng T3/2022
1	Cà phê	34,994,008	-37.8%	63.1%	2.4%
2	Cao su	2,967,263	-77.4%	36.8%	0.2%
3	Chè	760,376	-42.8%	11.9%	0.1%
4	Gạo	1,341,095	-16.8%	59.4%	0.1%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	935,034,468	-13.6%	13.6%	63.6%
6	Hàng rau quả	25,186,937	-26.6%	21.6%	1.7%
7	Hàng thủy sản	275,579,792	-22.5%	85.1%	18.7%
8	Hạt điều	86,857,311	-55.0%	6.1%	5.9%
9	Hạt tiêu	25,514,010	-28.5%	30.1%	1.7%
10	Mây tre đan	33,537,939	-34.0%	4.6%	2.3%
11	SP từ cao su	36,692,646	-31.5%	13.3%	2.5%
12	TĂGS &NL	12,409,237	20.8%	23.0%	0.8%
<b>Tổng XK NLTS</b>		<b>1,470,875,082</b>	<b>-22.1%</b>	<b>23,2%</b>	

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 4/2022**

Loại sản phẩm	Tháng 4/2021		Tháng 4/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	896	738.952	1.619	1.187.174	80,6%	60,7%
Gạo Japonica	61	43.374	78	80.197	27,9%	84,9%
Các loại gạo khác	111	58.765	113	73.724	2,4%	25,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 4/2022**

TT	Sản phẩm	T4/2021	T4/2022	So sánh T4.2022/T4.2021
		(USD)	(USD)	
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>20.710.092</b>	<b>25.186.937</b>	<b>21,6%</b>
1	Dừa	1.936.479	5.804.253	199,7%
2	Thanh long	1.450.132	2.346.731	61,8%
3	Dứa	692.466	1.941.239	180,3%
4	Xoài	1.240.255	1.259.073	1,5%
5	Chôm chôm	97.370	8.580	-91,2%
6	Vải	6.442	45.487	606,1%
7	Vú sữa	358.836	32.914	-90,8%
8	Nhãn	93.240	4.000	-95,7%
9	Khác	14.834.872	13.744.659	-7,3%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 4/2022**

Mặt hàng	T04/2021 (USD)	T04/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	18.286.018	29.760.786	62,75%
Khác	844.531	2.048.886	142,61%
Cà phê tan	948.485	1.545.384	62,93%
Đã rang chưa khử cafein	489.208	1.249.788	155,47%
Chưa rang đã khử cafein	880.641	383.005	-56,51%
Đã rang đã khử cafein	2.137	1.024	-52,07%
<b>Tổng</b>	<b>21.451.019</b>	<b>34.988.873</b>	<b>63,11%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 4/2022**

Loại sản phẩm	Tháng 4/2022	Tháng 4/2021	So sánh 2022/21(%)
	(USD)	(USD)	
Cá da trơn	41.495.506,1	15.934.525,0	160,4%
Cá da trơn	65.841.360,3	28.998.256,9	127,1%
Cá ngừ	57.096.436,9	30.938.448,2	84,5%

Cá rô phi	318.373,2	125.150,0	154,4%
Cua, ghe	6.032.652,3	3.556.061,9	69,6%
Mực và bạch tuộc	2.260.737,0	1.002.707,8	125,5%
Tôm	77.102.918,7	61.362.168,2	25,7%
Thủy sản khác	20.231.517,6	20.018.481,1	1,1%
<b>Tổng</b>	<b>228.883.996,0</b>	<b>146.001.274,0</b>	<b>56,8%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*